Tên: ……...

Lớp: S4…

Ngày giao bài: Thứ…., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ…., ngày…./….

Week: 14 - GVNN

Từ vựng & Ngữ pháp HW: …….

Nghe HW: …….

UNIT 1-2: OUR COMMUNITY & EARTH AND BEYOND – GRAMMAR & VOCABULARY REVISION

A. THEORY

Con truy cập link hoặc quét mã QR để học và làm bài tập từ vựng Unit 1-2 nhé!
https://quizlet.com/user/StarLink_English/folders/unit-1-2-our-community-earth-and-beyond?i=6qfpv3&x=1xqt

Unit	Vocabulary	Use of English
Unit 1: Our Community	• **Sports:** long jump, football, skateboarding, rugby, basketball, snowboarding, karate, running, surfing. • **Community:** my neighbourhood, my block, my sports club, my country, my continent. • **School jobs:** cook, headteacher, headmistress, class teacher, caretaker, school nurse, nurse, librarian, P.E. teacher. • **School places**: dining hall, first-aid room. • **Community events:** leaflet, event, craft activities, charity slogan, raising money. • **Personal qualities:** brave, intelligent, kind, helpful, strong.	• **Adv vs Adj** **- Adj:** Miêu tả người/vật, đứng trước danh từ hoặc sau động từ to be. *Ví dụ: The turtle is **slow**.* **- Adv:** Miêu tả cách thức diễn ra hành động như thế nào, đứng sau động từ thường, trước tính từ để bổ sung ý nghĩa cho tính từ đó. *Ví dụ: The turtle walks **slowly**.* *The turtle is **very slow**.* • **Comparative & Superlative adverbs:** bổ nghĩa cho động từ và có thể cho biết cách thức, thời gian hoặc khoảng cách của hành động - Comparative adverbs**: S + V + adv-er / more adv than …** *Ví dụ: She runs **faster** than before.* *He drives **more carefully** than his brother.* - Superlative adverbs: **S + V + the adv-est / the most adv …** *Ví dụ: She runs **the fastest** in class.* *That boy does his homework **the most carefully** in his class.*
Unit 2: Earth and Beyond	• **Landscapes:** desert, tropical rainforest, mountains, river, volcano, the Arctic. • **Weather & climate:** climate, freezing, icy, dry, huge, wide, wet, beautiful, humid, cool, warm. • **Solar System:** explore, orbit, support, discover, poisonous, Mercury, Venus, Earth, Mars, Jupiter, Saturn, Uranus, Neptune. • **Natural events:** natural event, lightning, sunset, northern lights, constellation, rainbow. • **Space technology:** satellite, telescope, space shuttle, rover, rocket. • **Space journey:** space, astronaut, journey, equipment, space travel, sparkling, mysterious.	• **Gerunds:** nói về sở thích, thói quen hoặc hoạt động nói chung **- Công thức: dislike(-s)/like(-s)/love(-s)/enjoy(-s)/be into / be keen on + N/V-ing** *Ví dụ: I **love reading.*** • **Infinitives:** nói về mục đích, hy vọng hoặc kế hoạch - Công thức: **want/hope/learn + to V plan/need/remember/promise/decide/prefer + to V** *Ví dụ: I **want to play** tennis.* *She **decides to do** the project with her teammate.*

LIVEWORKSHEETS

B. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (15 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và làm bài tập từ vựng trên link Quizlet ở trang 1.

II. Choose the correct answer A or B to complete each sentence.

0. The rabbit runs _____.

A. quick *B. quickly* *C. quicker*

1. The baby is sleeping _____ than yesterday, so we can finally watch TV.

A. more quietly B. more quiet C. most quietly

2. Tom is a _____ boy, so he never breaks anything.

A. carefully B. careful C. more carefully

3. Anna runs _____ in our class, so she always wins the race.

A. fastly B. faster C. the fastest

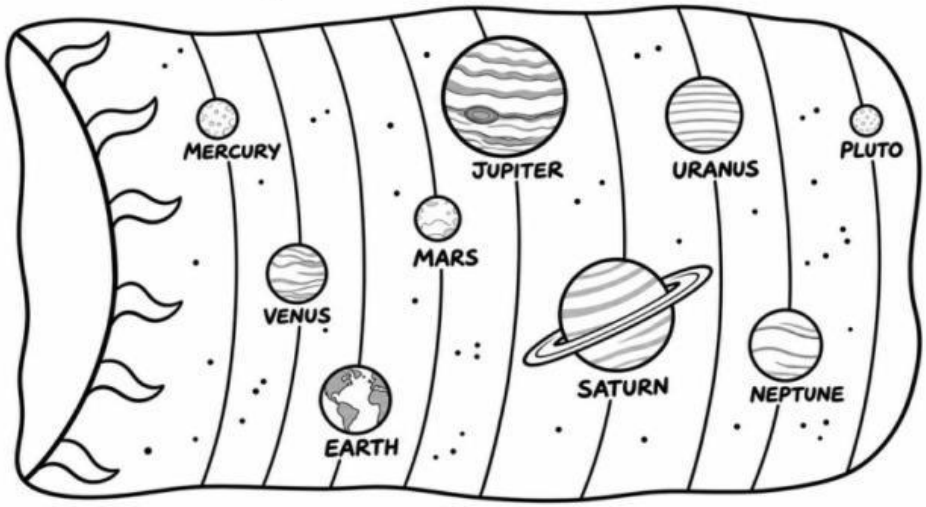
4. My sister is a _____ singer than me.

A. gooder B. more good C. better

5. This is _____ flower in the garden, and everybody takes photos of it.

A. the most beautiful B. more beautiful C. beautifullest

III. Write the correct form of the adjective and adverb in each space.



0. Which is the <u>smallest</u> planet in our solar system? (small)

1. Earth is _____ to the sun than Neptune. (near)

2. Is Saturn the _____ planet? (beautiful)

3. Jupiter is _____ than Earth. (big)

4. Mercury moves _____ around the sun than Earth does. (fast)

5. Does Neptune move _____ around the sun? (slowly)

LIVEWORKSHEETS

IV. Write the full sentences with the words given. Keep the words in the same order and use the correct form of the verb (-ing or to + infinitive).

0. Alan / love / fish / the lake

→ Alan loves fishing in the lake.

1. you / like / swim / the sea / ?

→ _____

2. you / want / see / my painting / ?

→ _____

3. I / would like / learn / fly / a plane

→ _____

4. my parents / be keen on / walk / in the park

→ _____

5. my cousin / hope / climb / lots of mountains

→ _____

EXTRA VOCABULARY

Con học thuộc các từ dưới đây để làm bài bên dưới và chuẩn bị cho bài kiểm tra buổi sau nhé!

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại các từ nhé:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/for-s4-extra-vocab

No.	Words	Meanings	Pictures
1	**competition** (n)	cuộc thi	
2	**magazine** (n)	tạp chí	
3	**journey** (n)	chuyến đi / hành trình	
4	**decide** (v)	quyết định	

No.	Words	Meanings	Pictures
5	**prize** (n)	giải thưởng	
6	**winner** (n)	người chiến thắng	
7	**famous** (adj)	nổi tiếng	

**Note:* *n = noun: danh từ, adj = adjective: tính từ, v = verb: động từ.*

LIVEWORKSHEETS

FLYERS LISTENING PART 2 (5 questions)
Con truy cập link hoặc quét mã QR để làm bài nghe nhé:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/for-s4-w14-flyers-listening

Listen and write. There is one example.



Short Story Competition

Name of magazine with competition: Young World

1 Last day to send story: _____ October

2 Subject of story: _____

3 Number of words to write: _____

4 Famous writer who decides winner: Betty _____

5 Prize: _____

LIVEWORKSHEETS